

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HS - PT

Ngày 12 - 9 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Lan.

Các thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long, bà Tòng Thị Hiền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Nhật Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 35/2025/TLPT - HS ngày 06 tháng 08 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐPT - HS ngày 08 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐPT - HS ngày 25 tháng 8 năm 2025. Do có kháng cáo của các bị cáo Lường Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 92/2025/HS-ST ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Sơn La).

- Bị cáo có kháng cáo:

Lường Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01 tháng 7 năm 1959 tại huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Bản Ngòi, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là xã M, tỉnh Sơn La); Nghề nghiệp: Hưu trí; Chức vụ: Chủ tịch hội người cao tuổi xã C, tỉnh Sơn La; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 161-QĐ/UBKTQU ngày 03/6/2025 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy M; con ông Lường Văn B (đã chết) và bà Hoàng Thị D (đã chết); bị cáo có vợ là Vĩ Thị D1, sinh năm 1962 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/8/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập:

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Đại diện theo pháp luật: Ông Vì Văn H – Chủ tịch.

+ Trung tâm V. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đức S, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lường Văn T giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La từ tháng 6/2004 (theo Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 28/5/2004 của UBND huyện M) là người có chức vụ, quyền hạn chịu trách nhiệm về quản lý và tổ chức sử dụng có hiệu quả quỹ đất, công sở, tài sản, phương tiện làm việc và ngân sách của UBND xã C được giao theo quy định của pháp luật. Đến ngày 30/6/2015 Tiễn nghỉ hưu, sinh sống tại bản Ngòi, xã C, huyện M (theo Quyết định số 3545/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của UBND huyện M).

Trong giai đoạn từ năm 2010 - 2011, Trung tâm V đã liên hệ với UBND xã C về việc muốn đặt trạm viễn thông công nghệ thông tin trên địa bàn xã C để phục vụ việc phủ sóng viễn thông, địa điểm đặt đã được khảo sát từ trước và xác định trên diện tích đất do UBND xã quản lý. Do việc đặt trạm viễn thông giúp phủ sóng viễn thông, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nên chính quyền địa phương đã đồng thuận để Trung tâm V xây dựng và vận hành trạm, trong thời gian đầu xây dựng và vận hành không yêu cầu Trung tâm V thanh toán bất kỳ khoản kinh phí nào.

Đến khoảng cuối năm 2011, Lường Văn T là Chủ tịch UBND xã C trao đổi với Trung tâm V về việc trạm viễn thông công nghệ thông tin được vận hành trên vị trí đất của UBND xã C quản lý thì phải thuê lại vị trí (việc trao đổi thống nhất diễn ra trực tiếp, không có văn bản ghi nhận). Trung tâm V đã trao đổi, thống nhất về đơn giá thuê lại vị trí và soạn thảo hợp đồng thuê vị trí để xây dựng cơ sở hạ tầng lắp đặt trạm thiết bị trạm viễn thông công nghệ thông tin ngày 01/01/2012, cử ông Cầm Văn T1 là cán bộ Trung tâm V phụ trách xã C chuyển Lường Văn T ký sau đó chuyển lại cho Trung tâm V. Nội dung thống nhất: Thuê diện tích 300m² đất thuộc quyền sở hữu của UBND xã C (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00063-QSĐĐ/696/QĐ-UB ngày 15/9/2004 của UBND huyện M) để thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng lắp đặt trạm viễn thông với giá 400.000 đồng/tháng.

Sau khi ký hợp đồng, từ tháng 01/2012 đến tháng 7/2015, Trung tâm V đã chi trả trực tiếp tiền thuê vị trí theo hợp đồng cho Lường Văn T bằng tiền mặt, khi chi trả có lập chứng từ, giấy biên nhận. Cụ thể:

Thời điểm đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch UBND xã C, Lương Văn T nhận tổng số tiền 16.800.000 đồng: Quý 1, 2, 3 năm 2012 theo phiếu chỉ ngày 17/8/2012, số tiền 3.600.000 đồng; Quý 4 năm 2012 theo phiếu chỉ ngày 09/11/2012, số tiền 1.200.000 đồng; Từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2013 theo phiếu chỉ ngày 02/10/2013, số tiền 4.800.000 đồng; Từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2014 theo phiếu chỉ ngày 14/10/2014, số tiền 4.800.000 đồng; Tháng 01 năm 2015 theo giấy biên nhận ngày 27/01/2015, số tiền 400.000 đồng; Tháng 02 năm 2015 theo giấy biên nhận ngày 27/02/2015, số tiền 400.000 đồng; Tháng 3 năm 2015 theo giấy biên nhận ngày 10/3/2015, số tiền 400.000 đồng; Tháng 4 năm 2015 theo giấy biên nhận ngày 23/4/2015, số tiền 400.000 đồng; Tháng 5 năm 2015 theo giấy biên nhận ngày 22/5/2015, số tiền 400.000 đồng; Tháng 6 năm 2015 theo giấy biên nhận ngày 25/6/2015, số tiền 400.000 đồng.

Sau khi nghỉ hưu không đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch UBND xã C, T vẫn nhận số tiền 400.000 đồng theo giấy biên nhận ngày 24/7/2015 từ Trung tâm V. Việc nhận tiền thuê đất sau khi không còn giữ chức vụ, quyền hạn là không đúng quy định, tuy không cấu thành tội phạm hình sự, nhưng bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả, nộp lại số tiền 400.000 đồng cho UBND xã C theo quy định.

Theo điểm g Khoản 1 Điều 32 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2004 đến ngày 01/01/2017) và Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước quy định: Số tiền thu được từ việc cho thuê đất của UBND xã là nguồn thu phải nộp vào ngân sách Nhà nước, sau đó UBND xã được hưởng 100%. Do đó, số tiền thu được từ việc cho thuê đất lấp đặt trạm thu phát sóng di động của UBND xã C phải được nộp và tổng hợp vào ngân sách của xã. Tuy nhiên, T không nộp vào quỹ ngân sách của UBND xã mà sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 92/2025/HS-ST ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Sơn La) đã xét xử và Quyết định về hình phạt đối với bị cáo Lương Văn T:

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội Tham ô tài sản.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ trong lĩnh vực quản lý, sử dụng công sở, tài sản, phương tiện làm việc và ngân sách nhà nước cấp xã đối

với bị cáo Lương Văn T là 05 (năm) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm; quyền kháng cáo cho bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/06/2025 bị cáo Lương Văn T kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 92/2025/HS-ST ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Sơn La). Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

****Tại phiên toà phúc thẩm:*** Bị cáo Lương Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bản thân bị cáo đã nghỉ hưu hơn 10 năm, nay đã tuổi cao sức yếu nhiều bệnh tật, bệnh viêm khớp dạng thấp, bệnh gout, Huyết áp cao không lao động được, vợ bị cáo bị bệnh đái tháo đường, vợ chồng sống nương tựa vào nhau. Gia đình bị cáo có công với cách mạng, luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng nhà nước. Bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ đều được tặng huân chương kháng chiến, bản thân đã được UBND tỉnh tặng 4 bằng khen, 20 giấy khen khác các loại, 4 kỷ niệm chương và được kết nạp vào Đ tại Đảng bộ chiến trường mặt trận Hà Giang nay đã được huy hiệu 40 năm tuổi Đảng. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và cho bị cáo được hưởng án treo.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2025/HS-ST ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Sơn La) xét xử bị cáo Lương Văn T về tội “Tham ô tài sản” quy định tại điểm c

Bị cáo có hơn 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt (07 năm đến 15 năm tù) được áp dụng đối với bị cáo.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo bổ sung thêm tài liệu là sổ khám bệnh của bà Vì Thị D1 (vợ bị cáo) và giấy khám sức khỏe của bị cáo.

Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lương Văn T 36 tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội; xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật, thực hiện nghĩa vụ công dân; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo đầu thú, đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả, quá trình công

tác có thành tích xuất sắc được tặng nhiều bằng khen; bị cáo bị bệnh đái tháo đường độ 2, huyết áp cao độ 2; có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, vẫn đạt được mục đích giáo dục, cải tạo mà không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Do đó, cần giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo để thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng. Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022).

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Văn T và sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2025/HS-ST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn:

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội Tham ô tài sản. Xử phạt bị cáo Lương Văn T 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lương Văn T cho UBND xã M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền xã M trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ trong lĩnh vực quản lý, sử dụng công sở, tài sản, phương tiện làm việc và ngân sách nhà nước cấp xã đối với bị cáo Lương Văn T là 05 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Án phí HSPT: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Bị cáo Lương Văn T đồng ý với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận, xin Hội đồng xét xử xem xét được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/06/2025 bị cáo Lương Văn T có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đúng về chủ thể và phạm vi kháng cáo nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở xác định:

Năm 2012 Lương Văn T là Chủ tịch UBND xã C đã đại diện UBND xã C ký hợp đồng với Trung tâm V về việc cho thuê thửa đất thuộc quyền sở hữu của UBND xã C để lắp đặt trạm viễn thông công nghệ thông tin.

Thời điểm đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch UBND xã C từ tháng 01/01/2012 đến hết tháng 6/2015, Lương Văn T đã được Trung tâm V chi trả tổng số tiền thuê đất 16.800.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Từ ngày 01/7/2015 Tiền nghỉ hưu, không đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch UBND xã C nữa nhưng vẫn nhận số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) là tiền thuê đất của UBND xã C do Trung tâm V chi trả. Tuy nhiên, bị cáo Lương Văn T không nộp tổng số tiền trên vào nguồn ngân sách UBND xã mà sử dụng chỉ tiêu vào mục đích cá nhân.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lương Văn T về tội: “Tham ô tài sản” theo điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Về nhân thân: Bị cáo Lương Văn T chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo Lương Văn T hưởng mức hình phạt dưới khung hình phạt là 36 (ba mươi sáu) tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ phân hóa vai trò, nhân thân của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Lương Văn T cung cấp thêm đơn xin hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách

pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú, có nhiều cống hiến cho các hoạt động của xã trong thời gian giữ chức vụ.

Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình khó khăn vợ thường xuyên ốm bệnh, chỉ có hai vợ chồng đã lớn tuổi sống với nhau. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo bổ sung thêm tài liệu là sổ khám bệnh của bà Vì Thị D1 (vợ bị cáo) và giấy khám sức khỏe của bị cáo, bị cáo và vợ thường xuyên phải điều trị tại bệnh viện, không lao động được, không có thu nhập,

Bị cáo Lương Văn T đã nộp lại số tiền 17.200.000 (mười bảy triệu hai trăm nghìn) đồng để khắc phục cho UBND xã C tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn theo biên lai số 0000192 ngày 08/5/2025. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy căn cứ vào hoàn cảnh gia đình, nhân thân của bị cáo tiền án- tiền sự: không; bị cáo sau khi đầu thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phối hợp, hợp tác với cơ quan điều tra khai ra hành vi phạm tội, chủ động giao nộp lại số tiền đã chiếm đoạt; có nhiều thành tích, đóng góp cho các hoạt động của xã trong thời gian giữ chức vụ nên cần áp dụng chính sách khoan hồng, nhân đạo của nhà nước đối với bị cáo chuyển biện pháp chấp hành hình phạt tù cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo, phù hợp với nguyên tắc xử lý đối với tội phạm về chức vụ quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cho bị cáo có căn cứ.

Từ những nhận định, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Văn T: Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2025/HS-ST ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Sơn La).

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Lương Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Văn T; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2025/HS-ST ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân

dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Sơn La) như sau:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội “Tham ô tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

1.1. Xử phạt bị cáo Lương Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 12/9/2025).

Về hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ trong lĩnh vực quản lý, sử dụng công sở, tài sản, phương tiện làm việc và ngân sách nhà nước cấp xã đối với bị cáo Lương Văn T là 05 (năm) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo Lương Văn T cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lương Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2025/HS-ST ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Sơn La) không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 12/9/2025)/.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Sơn La;
- Thị hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- UBND xã Mường Chanh, tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Phòng GD, TT, KT & THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đinh Thị Mai Lan